

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST

Ngày 17/7/2024

Về “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hành;
2. Bà Hà Ngân Kim Tới.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khánh Huy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 335/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1988; địa chỉ: Số nhà 86/32 đường T, ấp 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Chị Phương Thị Thu T, sinh năm 1992; địa chỉ: Số nhà 131 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 30/11/2023 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Trần Văn Đ trình bày:

Năm 2019, anh Đ kết hôn cùng chị Phương Thị Thu T; được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/11/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Trần Đề. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu; sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không khắc phục được nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn hạnh phúc và không còn sống chung từ năm 2021.

Nay, anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị T và giao nộp tài liệu, chứng cứ là: Bản sao Căn cước công dân, Giấy chứng nhận kết hôn của anh Đ với chị T; Đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ gửi bản sao tài liệu, chứng cứ; Đơn đề nghị không hòa giải theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn là chị Phương Thị Thu T: Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo có thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng chị T không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị T đều vắng mặt không có lý do, đã được thông báo về kết quả phiên họp này và việc Tòa án thu thập được tài liệu, chứng cứ; được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, phiên tòa ngày 03/7/2024, bị đơn T vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp, nguyện vọng, điều kiện của các đương sự. Nguyên đơn, bị đơn đều không có ý kiến phản đối về tài liệu, chứng cứ do đương sự khác giao nộp và do Tòa án thu thập được.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp hành triệu tập của Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Đ ly hôn với chị T; không xem xét, giải quyết về con chung, tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Anh Trần Văn Đ yêu cầu ly hôn với chị Phương Thị Thu T, không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản và nợ chung. Quan hệ tranh chấp này được pháp luật điều chỉnh tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình); thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn T đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và Kiểm sát viên yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

- Căn cứ bản sao Căn cước công dân, Giấy chứng nhận kết hôn, việc không phản đối của chị T và kết quả xác minh của Tòa án; đối chiếu quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của anh Đ về kết hôn với chị T, được Ủy ban nhân dân xã Thanh Thới An cấp Giấy chứng nhận kết hôn và vợ chồng không có con chung, không có tài sản và nợ chung là sự thật. Như vậy, anh Đ và chị T đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của pháp luật; trong đó có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, từ năm 2021 đến nay, dù không có thỏa thuận khác và cũng không vì yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, tham gia các hoạt động xã hội; chỉ vì mâu thuẫn mà anh Đ và chị T không sống chung, người nào chỉ biết bổn phận của người đó là đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; các đương sự không còn thương yêu, tôn trọng nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh Đ ly hôn với chị T.

- Nguyên đơn tiếp tục khẳng định không có con chung cũng như tài sản và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh Trần Văn Đ chịu 300.000 đồng theo điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Trần Văn Đ được ly hôn với chị Phương Thị Thu T.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai số 0002233 ngày 01/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề. Anh Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Anh Trần Văn Đ có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; chị Phương Thị Thu T có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã Thạnh Thới An;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Luru HSVA, VT.

CHU ĐỨC CHƯƠNG